

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2021

*“Về việc tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Vững.

Ông Phan Thanh Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 349/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Bà Thái Thị X, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông B có mặt tại phiên tòa, bà X có đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2016, ông và bà Thái Thị X tự nguyện quen biết nhau thành vợ chồng (chấp nối lần 2) vì cả hai đều đã có gia đình riêng trong

tình trạng ly hôn, không có đăng ký kết hôn. Ông bà về sống chung hạnh phúc được 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đầu năm 2021 thì bà X đã về sinh sống với con riêng tại Ấp 4 xã M và ly thân với ông B đến nay. Mặc dù cả hai đã có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân luôn nặng nề, áp lực. Do đó, nay ông Võ Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Thái Thị X.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Tại Văn bản ý kiến đề ngày 18/6/2021, bà Thái Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 bà và ông Võ Văn B có về sống chung với nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Võ Văn B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

+ Đơn xác nhận của UBND xã M về việc ông Võ Văn B và bà Thái Thị X chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban Xã (bản chính);

+ Đơn xác nhận hộ khẩu thường trú của bà Thái Thị X có xác nhận của Công an xã M (bản chính).

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do bị đơn cung cấp gồm:*

+ Văn bản ý kiến của bà X đề ngày 18/6/2021 (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có Văn bản ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà X.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Qua lời trình bày của ông B tại phiên tòa và theo Văn bản ý kiến của bà X xác định, vào năm 2016 ông B và bà X tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà về sống chung hạnh phúc được 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến đầu năm 2021 thì bà X đã về sinh sống với con riêng tại Ấp 4 xã M và ly thân với ông B. Nay ông B yêu cầu ly hôn và bà X cũng đồng ý ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng có quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”.

Xét thấy, giữa ông B và bà X sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, việc này có xác nhận của UBND xã M thể hiện trong hồ sơ vụ án và trong quá trình chung sống thì giữa ông bà cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay

cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa; Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn B và bà Thái Thị X.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Ông B và bà X đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.3] Quan hệ chia tài sản chung: Ông B và bà X đều thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Tuy nhiên, do ông thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý về tiền tạm ứng án phí

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn B và bà Thái Thị X.

Về quan hệ nuôi con chung: Ông B và bà X xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Ông B và bà X xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, do ông thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông B thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý về tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Tuấn**